

VỀ MỘT TỔ CHỨC YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN NĂM 1908 (QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ)

DƯƠNG THỊ THANH HẢI*

Nghệ An là vùng đất có truyền thống yêu nước và cách mạng, nơi có nhiều đóng góp quan trọng cho cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong phong trào yêu nước chống thực dân xâm lược đầu thế kỷ XX, nhân dân các dân tộc nơi đây đã góp phần vào cuộc đấu tranh của cả nước như các phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào chống sưu thuế năm 1908... Trên địa bàn các phủ, huyện Nghệ An, phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược đã diễn ra không ngừng và có mối quan hệ khăng khít với nhau. Tuy nhiên, về phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc miền núi Nghệ An đầu thế kỷ XX lại rất ít được đề cập trong các công trình nghiên cứu đã xuất bản.

Trong quá trình sưu tầm tài liệu, chúng tôi được tiếp cận được những Báo cáo của Công sứ tỉnh Nghệ An năm 1908. Nội dung các bản báo cáo đã đề cập đến một tổ chức chống chính quyền thực dân ở địa bàn huyện Nghĩa Đàn, về mối quan hệ giữa tổ chức này với các hoạt động của Phan Bội Châu, Đội Quyên và thậm chí còn có mối

quan hệ đặc biệt với Đề Thám ở Bắc Kỳ... Tổ chức này không có tên gọi nhưng thực dân Pháp gọi là Hội kín. Hoạt động của tổ chức đã phản ánh mối quan hệ trong các phong trào yêu nước, duy tân và giải phóng dân tộc giữa các huyện miền núi và miền xuôi ở tỉnh Nghệ An. Đồng thời cũng cho thấy đóng góp của nhân dân các dân tộc miền núi Nghệ An với phong trào đấu tranh cả nước cùng thời kỳ.

1. Nghĩa Đàn trong những năm đầu thế kỷ XX

Nghĩa Đàn là huyện thuộc vùng trung du miền núi, ở về phía Bắc - Tây Bắc tỉnh Nghệ An, phía Bắc giáp huyện Như Xuân (Thanh Hóa), phía Nam giáp huyện Tân Kỳ, phía Đông giáp huyện Quỳnh Lưu, phía Tây giáp huyện Quỳnh Hợp và Quỳnh Châu.

Nghĩa Đàn là huyện có vị trí quan trọng của phủ Quỳnh Châu, bởi toàn phủ có gồm 17 tổng, 95 xã thôn thì Nghĩa Đàn có tới 8 tổng, 49 xã thôn. Đây là khu vực sinh sống của đại bộ phận là các dân tộc thiểu số như Thái, Mường, Thổ, H'mông... và

* ThS. Trường Đại học Vinh

một số người Kinh ở miền xuôi lên khai hoang. Từ thời Trần - Lê, luồng di cư của dân tộc Mường, Thái... cùng với người Việt ở Thanh Hóa đã tạo nên một vùng miền Tây dân cư đông đúc với nhiều thành phần dân tộc.

Sau khi cơ bản hoàn thành việc xâm chiếm Nghệ An, thực dân Pháp chú ý tới vùng đất miền núi phía Tây Nghệ An bởi nơi đây có trữ lượng lớn về khoáng sản, đất đai màu mỡ, đặc biệt vùng đất đỏ Bazan thuận lợi cho việc phát triển đồn điền trồng cây công nghiệp. Để nhanh chóng chiếm cứ đất đai lập đồn điền và khai thác được nhiều lâm thổ sản cũng như thấu tóm quyền lực của các lang đạo địa phương, từ tháng 9-1892, Pháp cho củng cố hệ thống cai trị ở vùng miền Tây xứ Nghệ. Ngày 22-10-1907, chính quyền thuộc địa chia phủ Quỳnh Châu thành hai đơn vị hành chính là huyện Nghĩa Đàn và phủ Quỳnh Châu. Đứng đầu huyện Nghĩa Đàn là một viên chức người Việt đóng tại Phủ Quỳnh. Đứng đầu phủ Quỳnh Châu là một viên chức người Mường đóng tại Kẽ Bọn. Tại phủ Quỳnh Châu có một đại lý của Công sứ Nghệ An phụ trách trông nom huyện Nghĩa Đàn và phủ Quỳnh Châu các mặt hành chính lẫn chính trị (1). Ngoài ra Pháp còn lập thêm các đồn binh ở chợ Lụi, làng Bồi, làng Găng, làng Sen, Sẻ... do các viên đội người Pháp chỉ huy, sẵn sàng đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân địa phương.

Năm 1907, khi số người Kinh trên địa bàn tăng lên, Pháp đã cử đến Nghĩa Đàn một viên tri huyện người Kinh. Đồng thời, thực dân Pháp cho xây dựng nhiều Nhà thờ Công giáo ở Đồng Lèn (Nghĩa Hội), Đập Bể (Nghĩa Trung), Tân Cát (Nghĩa Thuận)...

Ruộng đất là vốn quý của người nông dân, nhưng tại Nghĩa Đàn ruộng đất phần lớn nằm trong tay của một số ít người. Trước kia ruộng đất chủ yếu nằm trong tay các thổ ty, lang đạo, địa chủ, sau này thực dân Pháp đã tìm cách bao chiếm ruộng đất, thậm chí cả những vùng đất chưa khai khẩn, rừng núi và cả vườn ruộng của người dân. Tính đến năm 1928, "Nghĩa Đàn đã có tới 10 đồn điền lớn với tổng diện tích: 15.398 ha" (2). Đây là huyện có số đồn điền lớn nhất trong các huyện miền núi Nghệ An. Ngoài số ruộng đất địa chủ Pháp chiếm để lập đồn điền, địa chủ người Việt ở đây cũng bao chiếm nhiều ruộng đất. Trong đó, tiêu biểu là Lê Văn Quý bao chiếm cả một khu đất rừng dài 7km ở Yên Thái, rộng 425 mẫu, riêng ruộng có 120 mẫu; Lê Văn Kéo ở Tân Quang, cả ruộng và đất là 215 mẫu; Lê Bôn Đào ở Trảng Trại là 120 mẫu... Nhân dân mất ruộng phải lĩnh canh và nộp tô hàng năm. Ngoài ra, người dân còn phải đóng nhiều loại sưu thuế khác như thuế thân, thuế chợ, thuế đồ, thuế chức sắc...

Riêng thuế thân, tăng liên tục theo từng năm. Năm 1900, thời vua Thành Thái (năm thứ 12) thì mỗi nhà nộp sưu thuế mỗi năm một đồng bạc. Đến năm thứ 16, tăng thêm mỗi nhà 2 hào bạc trắng thuế và 4 hào bạc trắng tiền công ích, như vậy mỗi năm một nhà phải đóng 2,6 đồng bạc trắng. Để tăng thêm số tiền thuế, triều đình còn bắt dân phải nộp thêm vào số nhà không. Thí dụ, một bản có bốn nóc nhà thì nhà nước kê thêm vào tám nhà, bản nào có tám đến mười nhà thì kê thêm vào thành 16 nhà.

Nhân dân các dân tộc miền núi không chỉ khổ cực vì mất ruộng đất cây cấy, phải đóng sưu thuế cao, mà còn phải thường xuyên đi phu phục vụ cho chính sách "khai

thác" của chính quyền thuộc địa. Hàng trăm dân đình ở vùng Quỳnh Châu, Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp phải đi xây dựng các tuyến đường sắt Hà Nội - Vinh, Vinh - Đông Hà, làm đường Trần Ninh, làm đường Cửa Rào, đường ô tô từ Yên Lý (Diễn Châu) qua Nghĩa Đàn lên Quỳnh Châu, Quế Phong, nạo vét kênh Sơn...

Ruộng đất bị cướp đoạt, sưu cao thuế nặng chông chát trong khi sản xuất chỉ độc canh cây lúa với kỹ thuật canh tác lạc hậu khiến sản lượng bình quân hàng năm rất thấp. Đời sống người nông dân Nghĩa Đàn ngày càng bế tắc, cực khổ.

2. Quá trình hình thành tổ chức và xây dựng lực lượng chống Pháp của thủ lĩnh Lê Hậu ở huyện Nghĩa Đàn

Những năm đầu thế kỷ XX, trong sự sôi động chung của phong trào toàn quốc, nhân dân Nghệ An đã phát động nhiều phong trào đấu tranh chống Pháp xâm lược, lúc mạnh mẽ, lúc bền bỉ bí mật, nhưng liên tục không ngừng. Dưới sự khởi xướng và lãnh đạo của Phan Bội Châu các cuộc đấu tranh trong thời gian này đã phát triển từng bước, từ thấp đến cao: từ hoạt động của Duy Tân Hội đến phong trào Đông Du, Phong trào chống sưu thuế...

Cùng hưởng ứng phong trào chống Pháp trên toàn tỉnh, nhân dân các dân tộc miền Tây Nghệ An đã tham gia vào phong trào đấu tranh chung cả nước, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc Thái ở Bản Tổng Lôi thuộc xã Khủng Tinh (nay là Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp). Huyện Nghĩa Đàn năm 1908 đã hình thành một tổ chức yêu nước chống Pháp khá tiêu biểu, chính quyền thực dân tại Nghệ An đã theo dõi việc hình thành tổ chức và cho rằng đây là một tổ chức Hội kín.

Tổ chức này được hình thành ban đầu với vài chục người Mán, trong đó người đứng đầu là một thầy mo, quê Thanh Hóa, tên là Lê Hậu, tự xưng là hậu duệ đích thực của các vua triều Lê đã được "*mệnh trời giao giải thoát nước Nam khỏi quân Tây dương*" (3).

Tới vùng đất Nghĩa Đàn, đội quân Lê Hậu mặc đồng phục màu vàng viền đỏ, vũ khí là gươm có vỏ sơn mài. Theo Báo cáo của chính quyền thực dân thì đó là kiểu phục trang "*thường thấy ở đám tùy tùng quyền cao chức trọng người An Nam*" (4). Lê Hậu tuyên bố với đồng đảo nhân dân trong vùng sẽ giúp người dân nơi đây thoát khỏi ách thống trị của thực dân và tay sai, sẽ miễn, giảm thuế cho người dân ở các bản ruộng... Vì vậy, nhân dân tin rằng đã gặp được vị quân vương sẽ đem lại cuộc sống ấm no, thoát khỏi những khổ cực... nên họ hồ hởi hưởng ứng những hoạt động của tổ chức này.

Sau một thời gian, lực lượng của đội quân Lê Hậu tăng lên 300 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc ở các huyện miền Tây Nghệ An như: Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Quế Phong, Tương Dương... Thành phần tham gia là đồng đảo thanh niên trai tráng các bản ruộng, ngoài ra còn có các vị chức sắc ở các Mường như *lại mục* ở phủ Quỳnh Châu, cựu *tri phủ* phủ Quỳnh Châu... Vũ khí trang bị là súng được chuyển về từ Bắc Kỳ. Thành phần tham gia vào tổ chức yêu nước trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn còn phải kể đến những người trí thức Nho học. Chính quyền thuộc địa cũng phải tự đặt ra câu hỏi: "*... sao cả những quan chức Annam có Nho học, thông minh, có kinh nghiệm lại kết đảng với "nhà ảo thuật" "thô thiển" này, và ông ta đã tuân theo động cơ nào?*" (5).

Với lòng tin tuyệt đối Lê Hậu - thủ lĩnh của tổ chức này, nhân dân các bản Mường ở phủ Quỳnh Châu và huyện Nghĩa Đàn đã ủng hộ việc xây dựng địa điểm đóng quân. Theo Báo cáo của chính quyền thì *"... đó là những toà nhà rộng lớn xây dựng bằng gỗ lim và gỗ đình hương, được sắp xếp theo sơ đồ giống Hoàng cung ở Huế, sơ đồ này đã được một nhà Nho Annam cung cấp cho các Mường. Các cột được đánh bóng cẩn thận, các vì kèo ở đầu mút, các vòm chống đều chạm trổ, nền các phòng chính đều lót sàn. Mái nhà lợp lá cọ nên đã làm giảm bớt vẻ hoành tráng của quần thể đồ sộ này (viên lãnh binh của tỉnh đi theo toán lính khố xanh đã ước tính rằng các thợ mộc chắc chắn đã phải bỏ ra ít nhất 6 nghìn ngày công, không kể công việc của những người đốn gỗ và đào đất). Cuối cùng một con đường ngoằn ngoèo rộng 6m, được mở xuyên qua rừng và nối hàng với các công trình mà dân chúng gọi là Hoàng cung"* (6).

Công trình được xây dựng trên một gò đất, trước mặt có một cái liang ở gần xóm Mọi ở Làng Lòi cách Tây Nam Phủ Quỳnh 15 giờ đi bộ. Chính quyền đã đưa quân đến điều tra, tìm hiểu và khẳng định *"đây là một vùng đất khá kín đáo"* và cũng là nơi hiểm trở khó vào.

Hoạt động chống Pháp của Lê Hậu không chỉ trong phạm vi huyện Nghĩa Đàn, mà được mở rộng ra khắp vùng miền Tây Nghệ An, có kết nối cùng với một số chí sĩ yêu nước chống Pháp, trong đó có Đội Quyên và các "tây phiến loạn cũ" (như cách gọi của người Pháp). Sự gắn kết giữa Lê Hậu và Đội Quyên đã tạo nên mối quan hệ gắn kết giữa tổ chức này với lớp sĩ phu đang hoạt động chống Pháp trên địa bàn Nghệ An. Điều này khẳng định rõ hơn đây là một tổ chức yêu nước có tinh thần đấu

tranh chống Pháp, giành độc lập cho dân tộc.

Quá trình mở rộng đối tượng liên kết, phạm vi hoạt động của tổ chức yêu nước huyện Nghĩa Đàn cho thấy đây không còn là một Hội kín như sự nhận định ban đầu của Thực dân Pháp. Người cầm đầu tổ chức đã có sự chuyển biến về tư tưởng, vận động được nhiều đối tượng tham gia, kịp thời bắt nhịp được với các phong trào đấu tranh trên toàn tỉnh và trong cả nước.

Trong khi các hoạt động chống Pháp đang diễn ra sôi nổi trên khắp các phủ huyện Nghệ An thì tổ chức yêu nước ở Nghĩa Đàn đã lên kế hoạch hoạt động chống Pháp. Một trong những kế hoạch đó là móc nối với các thành phần đã tham gia trong những phong trào trước đây, vì bị đàn áp mà đang trốn tránh ở địa bàn miền núi thực hiện cuộc bạo động vũ trang chống Pháp trên địa bàn các phủ huyện miền núi Nghệ An. Lúc này, Đội Quyên đang có mặt ở miền Tây Nghệ An đã nhanh chóng tập hợp, tổ chức cướp súng tại các đồn lính Pháp. Sự kiện này được chính quyền thực dân ghi lại: *"xâm nhập sang vùng Nghệ An với những tên cầm đầu của chúng là An -Ve, Tư Ngon, Đội Quyên, chúng gồm khoảng 100 tên vũ trang súng trường trong đó có 16 khẩu liên thanh. Bị quan thanh tra ác-nu truy đuổi, toán giặc đã phân tán để rồi lại xuất hiện hồi tháng tám và rồi lại biến mất khi bị những đội bảo an binh và đội lính cơ hàng tỉnh truy tìm"* (7). Hoạt động của tổ chức này càng ngày càng khiến cho thực dân Pháp lo ngại ở vùng miền Tây Nghệ An. Chính quyền thực dân đã nhận định: *"tình hình chính trị trong tỉnh không tốt hơn so với tháng 2 vừa qua, thậm chí có vẻ đáng lo ngại. Tại nhiều điểm trong tỉnh, nhiều nguyên nhân sẽ thành loạn, thành những*

(2). Tổng hợp từ *Báo cáo của Sở Công chánh Trung Kỳ*.

(3). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Janvier 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 3 Février 1908.*

(4). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Janvier 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 3 Février 1908.*

(5). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Février 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 3 Mars 1908.*

(6). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Janvier 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 3 Février 1908.*

(7). Daufes (E) (1934), *La Garde indigene de l'Indochine de sa creation à nos Jours*, Tome II, Imprimerie D. Seguin, Avignon (Hoàng Văn dịch. Bản dịch lưu tại Thư viện Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, tr. 154).

(8). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport*

politique pour le mois de Février 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 3 Mars 1908.

(9). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Janvier 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 3 Février 1908.*

(10). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Mai 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 2 Juin 1908.*

(11). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Mai 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 2 Juin 1908.*

(12). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Mai 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 2 Juin 1908.*

(13). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Janvier 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 3 Février 1908.*

(14). 261 RSA/RP, Rapport politique des Résident provinciaux de l'Annam au Résident Supérieur en Annam, année 1908. *Rapport politique pour le mois de Mai 1908, Province de Nghệ An, Vinh, le 2 Juin 1908.*